

đương vật cương cứng kém, xuất tinh sớm, đau lưng, hai chân tê, bàn chân lạnh, đái rắt, đái đục, bạch đới.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, thường phối hợp trong các bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người tỳ vị kém, ăn uống kém khi dùng cần cân nhắc.

HOÀI SƠN

Dioscoreae persimilis Tuber

Củ mài, Sơn dược, Khoai mài, Thự dự, Sự tử

Rễ củ đã chế biến, được làm khô của cây Củ mài (*Dioscorea persimilis* Prain et Burkill), họ Củ nâu (*Dioscoreaceae*). Đào lấy rễ củ, rửa sạch, gọt vỏ, ngâm nước phèn chua 2 % khoảng 2 h đến 4 h. Vớt ra rửa sạch, cho vào lò sấy lưu huỳnh đến khi củ mềm. Phơi hay sấy cho se. Tiếp tục sấy lưu huỳnh 24 h. Phơi hay sấy ở nhiệt độ 50 °C đến 60 °C đến khô.

Mô tả

Đoạn rễ củ phình to có nhiều hình dạng, thường có hình trụ, thẳng hay cong, dài từ 5 cm trở lên, có thể dài tới 1 m đường kính 1 cm đến 3 cm, có thể tới 10 cm, mặt ngoài màu vàng nâu, nhẵn, chất chắc, vết bẻ có nhiều bột màu trắng ngà, không có xơ.

Ghi chú: Loại rễ củ khô, to dài đã bóc hết vỏ ngoài có màu trắng ngà, nặng, có nhiều bột mịn, không có xơ, không mốc mọc là loại tốt.

Bột

Nhiều hạt tinh bột hình trứng hay hình chuông, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 15 µm đến 50 µm, có vân đồng tâm, rốn lệch tâm, hình chấm hay hình vạch. Tinh thể calci oxalat hình kim dài 35 µm đến 240 µm. Mảnh mô mềm gồm các tế bào thành mỏng, chứa tinh bột. Mảnh mạch mạng.

Định tính

A. Dưới ánh sáng tử ngoại ở 366 nm bột dược liệu phát quang màu trắng sáng.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - methanol (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 5 ml hỗn hợp cloroform - methanol (4 : 1), đun sôi hồi lưu trên cách thủy khoảng 10 min. Để nguội, lọc, cô dịch lọc đến cạn, hòa cần trong 1 ml ethanol (TT) làm dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Hoài sơn (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Phun dung dịch vanilin (TT) 1 % trong hỗn hợp acid phosphoric - methanol (1 : 1). Sấy bản

mỏng ở 120 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường hoặc dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 14,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Tạp chất: Không quá 0,5 %.

Dược liệu có màu vàng và đỏ: Không được có.

Lưu huỳnh dioxyd

Không quá 400 phần triệu (Phụ lục 7.9, phương pháp 2).

Chất chiết được trong dược liệu

Tiến hành theo phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10).

Không được ít hơn 5,0 % chất chiết được trong nước và không được ít hơn 4,0 % chất chiết được trong ethanol 70 % (TT), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Hoài sơn thái phiến: Lấy dược liệu chưa thái lát, rửa sạch, ngâm 1 h đến 2 h, ủ 12 h, đồ cho mềm rồi thái phiến dày hoặc bào mỏng, phơi khô. Dùng sống.

Mô tả: Những lát mỏng, mặt ngoài màu trắng hoặc vàng nhạt, bề mặt giòn, dễ vỡ, vết bẻ màu trắng, nhiều tinh bột.
Bột, Định tính, Độ ẩm, Tro toàn phần, Chất chiết được trong dược liệu: Yêu cầu và phương pháp thử như dược liệu chưa thái phiến.

Lưu huỳnh dioxyd: Không quá 150 phần triệu (Phụ lục 7.9, phương pháp 2).

Hoài sơn sao vàng: Lấy dược liệu đã thái phiến, sao vàng theo chỉ dẫn tại Phụ lục 12.20.

Hoài sơn sao cám: Rãi cám vào nồi, sao đến khi bốc khói, cho dược liệu đã thái phiến vào, sao đến khi có màu vàng nhạt, rây bỏ cám, để nguội, cứ 100 kg dược liệu dùng 10 kg đến 20 kg cám.

Bảo quản

Để trong đồ đựng kín, nơi khô, tránh mốc, mọc. Thuốc dễ mọc, ẩm mốc; khi có hiện tượng mốc mọc sấy bằng diêm sinh (xông sinh).

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tỳ, vị, phế, thận.

Công năng, chủ trị

Bổ tỳ vị, bổ thận, ích phế, chỉ tả. Chủ trị: Tỳ vị hư hàn, cơ thể suy nhược; tỳ vị hư hàn đại tiện phân lỏng, phân sống. Bệnh tiêu khát, di tinh, mộng tinh, hoạt tinh, phụ nữ thận âm hư sinh chứng bạch đới, thận dương hư tiểu nhiều, cơ thể suy nhược, ra mồ hôi trộm. Bồi bổ ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận).

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 12 g đến 24 g có thể dùng liều cao hơn.

Sao vàng để tăng cường ôn tỳ, ấm thận.

Sao với cám để tăng cường kiện tỳ ẩm vị, điều trị chứng tỳ vị hư hàn đại tiện phân lỏng hoặc phân sền sệt, trẻ em đại tiện phân sống.

Kiêng kỵ

Có thực tà thấp nhiệt thì không dùng.

Ghi chú

Thân rễ của cây *Dioscorea opposita* Thunb. cũng được dùng như Hoài sơn.

HOÀNG BÁ (Vỏ thân, vỏ cành)

Phellodendri Cortex

Vỏ thân và vỏ cành (đã cạo bỏ lớp bần) được làm khô của cây Hoàng bá (*Phellodendron amurense* Rupr. hoặc *Phellodendron chinense* Schneid.), họ Cam (Rutaceae). Thu hoạch vào cuối mùa xuân, đầu mùa hạ, cạo sạch lớp bần, cắt thành từng miếng, phơi hoặc sấy ở 50 °C đến khô.

Mô tả

Vỏ thân màu vàng nâu, dày 0,3 cm đến 0,5 cm, dài 20 cm đến 40 cm, rộng 3 cm đến 6 cm. Mặt ngoài còn sót lại lớp bần màu nâu đất, có những vết lõm sần sùi và rãnh dọc, mặt trong màu nâu nhạt, có nhiều vết nhăn dọc nhỏ, dài, vết bẻ lõm chõm, chất rắn, nhẹ, màu vàng rom.

Vỏ cành dày 0,15 cm đến 0,20 cm, dạng mảnh dài. Mặt ngoài có lớp thụ bì màu nâu xám, khi bong ra để lộ lớp bần màu nâu sẫm, trên có lấm tấm nhiều vết lỗ vỏ, mặt trong màu nâu nhạt hơn, có những vết nhăn nhỏ, dọc. Chất giòn, dễ bẻ, mặt bẻ lõm chõm, để lộ mô mềm màu vàng rom.

Ghi chú: Loại vỏ bên ngoài vỏ có màu nâu, nhiều đường nứt nẻ, phía trong trơn bóng, màu vàng chói, vỏ dày to bản là loại tốt.

Vĩ phẫu

Lớp bần còn sót lại rất mỏng gồm vài hàng tế bào hình chữ nhật dẹt. Mô mềm vỏ chiếm 1/3 bề dày vỏ thân, gồm những tế bào có thành mỏng, nhiều đám sợi rải rác và có tinh thể calci oxalat hình thoi. Lớp libe cấp 2 dày, chiếm 2/3 bề dày vỏ thân, có nhiều đám sợi nằm trong libe, có thành dày, khoang hẹp; bên cạnh có tinh thể calci oxalat hình thoi. Tia ruột gồm 2 đến 4 dãy tế bào hình chữ nhật, thành mỏng, xếp ngoằn ngoèo theo hướng xuyên tâm.

Bột

Màu vàng tươi, không mùi, vị rất đắng. Soi kính hiển vi thấy: Rất nhiều đám sợi mang tinh thể calci oxalat hình lăng trụ, có đám sợi màu vàng nâu, hoặc vàng tươi, có đám sợi đứng riêng lẻ, thành dày. Mảnh mô mềm vỏ với các tế bào hình gần tròn. Mảnh bần (còn sót lại) gồm các tế bào hình chữ nhật, thành hơi uốn lượn, màu vàng nâu.

Định tính

A. Lấy 0,2 g bột dược liệu, thêm 3 ml nước, đun nhẹ, lọc lấy 2 ml dịch lọc, thêm 1 ml *dung dịch acid sulfuric 1 % (TT)* thêm dần *dung dịch bão hòa clor trong nước (TT)*. Để yên 10 min, chỗ tiếp xúc giữa 2 lớp chất lỏng có 1 vòng màu đỏ sẫm.

B. Lấy 0,2 g bột dược liệu, thêm 1 ml *ethanol 90 % (TT)*, đun nhẹ, lọc. Lấy 1 đến 2 giọt dịch lọc nhỏ trên lam kính, hơi nhẹ trên đèn cồn đến gần khô, thêm 1 giọt *dung dịch acid nitric 25 % (TT)* hoặc 1 giọt *acid hydrochloric (TT)*, đẩy lá kính mỏng lên. Sau 20 min soi kính hiển vi thấy những tinh thể hình kim màu vàng tươi.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: n-Butanol - acid acetic - nước (7 : 1 : 2).

Dung dịch thử: Lấy 0,1 g bột dược liệu, thêm 5 ml *methanol (TT)*, đun nhẹ trong cách thủy, lọc, lấy dịch lọc làm dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan 1 mg berberin clorid chuẩn trong *methanol (TT)* để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang màu vàng sáng tương đương về vị trí và cùng màu với vết berberin clorid trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính phân biệt.

P. amurense: Trong phần Định lượng, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có hai pic có thời gian lưu tương ứng với thời gian lưu của pic berberin clorid và palmatin clorid trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn tương ứng.

P. chinensis: Trong phần Định lượng, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có pic có thời gian lưu tương ứng với thời gian lưu của pic berberin clorid và không có pic có thời gian lưu tương ứng với thời gian lưu của pic palmatin clorid trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn hỗn hợp.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3).

Pha động A: Dung dịch acid trifluoacetic 0,1 %.

Pha động B: Acetonitril (TT).

Dung dịch chuẩn hỗn hợp: Hòa tan một lượng berberin clorid chuẩn và palmatin clorid chuẩn trong *methanol (TT)* để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 200 µg/ml mỗi chất chuẩn.

Dây dung dịch chuẩn: Hòa tan một lượng berberin clorid